TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ - TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/*2022/DS - ST*
Ngày: *25 - 3 - 2022*
V/v tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Khen

2. Bà Huỳnh Kim Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ *tham gia phiên toà:* Bà Phạm Thị Tuyết Em - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2021/TLST - DS ngày 29 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXXST - DS ngày 07 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Bích T, sinh năm 1981.

Trú tại: Số 243B khóm TH, phường TH, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long

Đại diện hợp pháp của chị Ngô Thị Bích T: Anh Nguyễn Thanh V, sinh năm 1989, trú tại: Số 67/28E PCĐ, phường A, TP.VL, tỉnh Vĩnh Long (Theo giấy ủy quyền ngày 11/02/2022) (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Chị Võ Thị Kim O, sinh năm 1972 (có mặt)

2.2. Anh Võ Vĩnh H, sinh năm 1973 (có mặt)

Cùng trú tại: Số 302/19 khóm A, thị trấn LH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1978

Trú tại: Số 1 khóm TQĐ, phường TA, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long

Đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Văn S: Anh Nguyễn Thanh V, sinh năm 1989, trú tại: Số 67/28E PCĐ, phường A, TP.VL, tỉnh Vĩnh Long (Theo giấy ủy quyền ngày 24/02/2022) (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 26/11/2021 và tại phiên tòa đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Nguyễn Thanh V trình bày:

Chị T có cho chị O và anh H vay nhiều lần nhưng những lần trước chị O và anh H có trả vốn và lãi đầy đủ, còn những lần vay sau đây chị O không trả vốn như sau:

Ngày 29/6/2021 chị T cho chị Võ Thị Kim O và anh Võ Vĩnh H vay số tiền là 50.000.000đồng, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng, có biên nhận viết tay.

Ngày 28/9/2021 chị T cho chị Võ Thị Kim O và anh Võ Vĩnh H vay số tiền là 50.000.000đồng, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng, có biên nhận viết tay

Ngày 13/10/2021 chị T cho chị O và anh H vay số tiền 40.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng, thời hạn vay 01 tháng, chỉ nói miệng, không có biên nhận.

Tổng số tiền chị T cho chị O và anh H vay là 140.000.000đồng. Anh H và chị O có chuyển khoản trả tiền lãi cho chị T số tiền 51.500.000đồng, do số tiền chị O và anh H chuyển khoản trong thời gian phát sinh tranh chấp nên chị T đồng ý khấu trừ vào tiền lãi trong thời gian chị O vay.

Chị Ngô Thị Bích T yêu cầu chị Võ Thị Kim O và anh Võ Vĩnh H trả số tiền vay gốc là 140.000.000đồng và yêu cầu chị O và anh H trả tiền lãi với lãi suất 1.5%/tháng tính từ ngày 08/11/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa chị T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện: chị T yêu cầu chị O và anh H trả số nợ gốc là 140.000.000đ và yêu cầu tính lãi suất như sau: yêu cầu tính trong hạn là 5%/tháng theo như thỏa thuận; yêu cầu tính lãi suất chậm trả là 1.67%/tháng kể từ ngày hết hạn vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm, tổng cộng chị T yêu cầu chị O và anh H trả tiền lãi suất trong hạn và lãi suất chậm trả là 20.187.000đ, đồng ý khấu trừ số tiền này vào tiền lãi mà chị O và anh H đã đóng, còn dư trừ vào tiền gốc. Sau khi khấu trừ chị T yêu cầu chị O và anh H trả cho chị T số tiền nợ còn thiếu là 108.687.000đ.

- Bị đơn chị Võ Thị Kim O và anh Võ Vĩnh H thống nhất trình bày:

Chị O và anh H thừa nhận có vay tiền của chị T nhiều lần, bắt đầu vay từ tháng 01/2021, và cũng trả tiền lãi từ tháng 01/2021, cứ cách vài tháng thì chị T lại làm lại biên nhận một lần và trả biên nhận cũ lại cho chị và anh H. Chị O và

anh H thừa nhận chị O và anh H còn nợ chị T tổng số tiền là 140.000.000đ, cụ thể như sau:

Ngày 29/6/2021 chị Võ Thị Kim O và anh Võ Vĩnh H vay của chị T số tiền là 50.000.000đ, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng, có biên nhận viết tay.

Ngày 28/9/2021 chị O và anh H vay của chị T số tiền là 50.000.000đ, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng, có biên nhận viết tay.

Ngày 13/10/2021 chị O và anh H vay của chị T số tiền 40.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng, thời hạn vay 01 tháng, chỉ nói miệng, không có biên nhận.

Từ ngày 13/01/2021 đến ngày 08/11/2021 chị O và anh H đã đóng lãi cho chị T số tiền là 123.500.000đ, trong đó đưa tiền mặt là 72.000.000đ, không có biên nhận và chuyển khoản 51.500.000đ thì có chứng từ giao dịch.

Chị O và anh H đồng ý trả số tiền nợ gốc cho chị T là 140.000.000đ, và đồng ý trả tiền lãi cho chị T với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Chị O và anh H yêu cầu khấu trừ số tiền lãi đã đóng là 123.500.000đ vào tiền lãi đã đóng cho T vào tiền gốc.

Đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh Vũ trình bày:

Anh Nguyễn Văn S là chồng của chị T, do chị T nhờ anh S đưa tiền mặt cho chị O và anh H 40.000.000đ, anh S chỉ biết là tiền chị O và anh H vay của chị T. Việc anh S có nhận tiền của chị O đóng lãi hay không thì anh S không nhớ, nếu có chứng cứ chứng minh thì anh H và chị O cung cấp. Nay anh S thống nhất theo yêu cầu của chị T, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án

- Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 72, 73, 75, 86 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các biên nhận vay tiền vào các ngày 29/6/2021, ngày 28/9/2021 và lời trình bày thừa nhận của bà Võ Thị Kim O và ông Võ Vĩnh H có vay tiền của chị Ngô Thị Bích T 03 lần tổng số tiền gốc là 140.000.000đồng nên những

tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 BLTTDS năm 2015. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Đối với tiền lãi nguyên đơn yêu cầu chỉ chấp nhận một phần vì căn cứ theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự lãi suất được tính như sau:

Lãi suất theo thỏa thuận được tính không quá 20%/năm của khoản tiền vay được tính như sau:

- Ngày 29/6/2021, số tiền vay là 50.000.000đồng, thời hạn vay là 01 tháng được tính 50.000.000đ x 1,67% x 1 tháng = 835.000đ

- Ngày 28/9/2021, số tiền vay là 50.000.000đồng, thời hạn vay là 01 tháng được tính 50.000.000đ x 1,67% x 1 tháng = 835.000đ

- Ngày 13/10/2021, số tiền vay là 40.000.000đồng, thời hạn vay là 01 tháng được tính 40.000.000đ x 1,67% x 1 tháng = 668.000đ

Như vậy tổng số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu chỉ được chấp nhận là 2.338.000đ.

Do đến hết thời hạn thỏa thuận trong trường hợp vay bị đơn phải trả gốc cho nguyên đơn nhưng phía bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên phía bị đơn phải chịu lãi chậm thực hiện nghĩa vụ, do không thỏa thuận về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ nên bị đơn phải chịu lãi chậm trả trên số tiền nợ gốc 140.000.000đ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, lãi suất được tính như sau:

- Ngày 29/6/2021, số tiền vay là 50.000.000đồng, thời hạn vay là 01 tháng (từ ngày 30/7/2021 đến ngày 25/3/2022) được tính 50.000.000đ x 0,83% x 7 tháng 25 ngày = 3.250.000đ

- Ngày 28/9/2021, số tiền vay là 50.000.000đồng, thời hạn vay là 01 tháng (từ ngày 29/10/2021 đến ngày 25/3/2022) được tính 50.000.000đ x 0,83% x 4 tháng 26 ngày = 2.019.000đ

- Ngày 13/10/2021, số tiền vay là 40.000.000đồng, thời hạn vay là 01 tháng (từ ngày 14/11/2021 đến ngày 25/3/2022) được tính 40.000.000đ x 0,83% x 4 tháng 11 ngày = 1.449.000đ

Như vậy, tổng số tiền lãi chậm trả mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn được chấp nhận là 6.718.000đ

Do đó, số tiền nguyên đơn yêu cầu tính lãi số tiền 20.187.000đồng nhưng căn cứ theo Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 chỉ được chấp nhận một phần với số tiền lãi là 9.056.000đ.

Đối với lời trình bày của bị đơn đã đóng lãi cho chị T với tổng số tiền 123.500.000đ. Trong đó bị đơn trình bày đã đóng lãi trực tiếp bằng tiền mặt cho nguyên đơn là 72.000.000đồng là không có cơ sở chấp nhận, bởi vì phía nguyên đơn không thừa nhận số tiền này và bị đơn cũng không chứng minh được đã giao tiền cho nguyên đơn nên không có căn cứ để khấu trừ. Riêng đối với số tiền bị

đơn chuyển khoản cho nguyên đơn đóng lãi là 51.500.000đ có chứng từ chứng minh nên có đủ căn cứ khấu trừ vào số tiền nợ bị đơn chưa trả cho nguyên đơn.

Tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 149.056.000đ được khấu trừ vào tiền bị đơn đã đóng cho nguyên đơn 51.500.000đ. Số còn lại bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 97.556.000đ.

Căn cứ áp dụng các Điều 147, 244 BLTTDS năm 2015; Điều 463, 466, 468 BLDS 2015; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị Bích T. Buộc bà Võ Thị Kim O và ông Võ Vĩnh H ông Võ Vĩnh H trả lại cho bà Ngô Thị Bích T số tiền là 97.556.000đ.

Án phí: Buộc bà chị Võ Thị Kim O và anh Võ Vĩnh H chịu án phí 4.877.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc chị Ngô Thị Bích T phải chịu 556.550đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thị trấn Long Hồ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 26, 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét, yêu cầu của chị Ngô Thị Bích T yêu cầu chị Võ Thị Kim O và anh Võ Vĩnh H trả cho chị T tiền vay gốc là 140.000.000đ là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ quá trình giải quyết vụ án, chị O và anh H thừa nhận có vay 50.000.000đ theo biên nhận vay tiền ngày 29/6/2021, vay 50.000.000đ theo biên nhận ngày 28/9/2021 và vay 40.000.000đ ngày 13/10/2021 không có biên nhận nhưng chị O và anh H đều thừa nhận có vay, thời hạn vay là 1 tháng. Đây là chứng cứ không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trong hạn theo mức lãi suất đã thỏa thuận là 5% và yêu cầu bị đơn tiếp tục trả tiền lãi với lãi suất chậm trả là 1,67%/tháng tính từ ngày hết hạn vay đến ngày xét xử sơ thẩm với tổng số tiền lãi là 20.187.000đ là có sở chấp nhận một phần, bởi lẽ:

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự thì lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm (1.67%/tháng), trường hợp lãi suất

theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

Đối với lãi suất chậm trả: Theo quy định Điều 466 Bộ luật Dân sự, bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn, do đó, đến hết thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng vay thì phía bị đơn phải có nghĩa vụ trả gốc và lãi cho nguyên đơn, nhưng phía bị đơn chỉ trả tiền lãi mà không thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc, nên phía bị đơn phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ gốc theo quy định Điều 357 Bộ luật Dân sự, do hợp đồng không có thỏa thuận về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ, nên mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, với mức lãi suất là 10%/năm (0.83%/tháng).

* Tiền lãi suất trong thời hạn được tính như sau:

- Đối với số tiền 50.000.000đ (ngày vay 29/6/2021, thời hạn vay 01 tháng) = 50.000.000đ x 1,67%/tháng x 1 tháng = 835.000đ (1)

- Đối với số tiền 50.000.000đ: (ngày vay 28/9/2021, thời hạn vay 01 tháng) = 50.000.000đ x 1,67%/tháng x 1 tháng = 835.000đ (2)

- Đối với số tiền 40.000.000đ: (ngày vay 13/10/2021, thời hạn vay 01 tháng) = 40.000.000đ x 1,67%/tháng x 1 tháng = 668.000đ (3)

* Tiền lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được tính như sau:

- Đối với số tiền 50.000.000đ (ngày vay 29/6/2021, thời hạn vay 01 tháng), ngày chậm thực hiện nghĩa vụ tính từ ngày 30/7/2021 đến 25/3/2022 là 7 tháng 25 ngày: 50.000.000đ x 0,83%/tháng x 7 tháng 25 ngày = 3.250.000đ (4)

- Đối với số tiền 50.000.000đ: (ngày vay 28/9/2021, thời hạn vay 01 tháng) ngày chậm thực hiện nghĩa vụ tính từ ngày 29/10/2021 đến 25/3/2022 là 4 tháng 26 ngày: 50.000.000đ x 0,83%/tháng x 4 tháng 26 ngày = 2.019.000đ (5)

Đối với số tiền 40.000.000đ: (ngày vay 13/10/2021, thời hạn vay 01 tháng), ngày chậm thực hiện nghĩa vụ tính từ ngày 14/11/2021 đến 25/3/2022 là 4 tháng 11 ngày: 40.000.000đ x 0,83%/tháng x 4 tháng 11 ngày = 1.449.000đ (6).

Tổng tiền lãi mà chị O và anh H phải trả cho chị T đến ngày xét xử sơ thẩm là: (1)+(2)+ (3)+(4)+ (5)+(6) = 9.056.000đ

[2.2] Xét, yêu cầu của anh H và chị O yêu cầu khấu trừ tiền lãi mà phía bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 123.500.000đ là có cơ sở chấp nhận một phần, bởi lẽ theo chứng cứ phía bị đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án (BL 32-46) và được phía nguyên đơn chị T thừa nhận số tiền lãi bị đơn đã đưa cho nguyên đơn là 51.500.000đ, đây là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, số tiền này sau khi trừ tiền lãi còn lại sẽ khấu trừ vào tiền gốc cho phía bị đơn. Đối với số tiền lãi còn lại là 72.000.000đ bị đơn cho rằng đã đóng cho nguyên đơn, nhưng phía nguyên đơn

không thừa nhận, bị đơn không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở khấu trừ.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử buộc chị O và anh H có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền như sau:

140.000.000đ – (51.500.000 – 9.056.000) = 97.556.000đ

[3] Về án phí: Buộc chị Ngô Thị Bích T chịu 556.000đ tiền án phí Dân sự sơ thẩm

Buộc chị Võ Thị Kim O và Võ Vĩnh H phải chịu 4.877.000đ tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

[4] Xét, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ là có cơ sở chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thương vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Bích T

Buộc chị Võ Thị Kim O và anh Võ Vĩnh H có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Ngô Thị Bích T số tiền 97.556.000đ (chín mươi bảy triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Võ Thị Kim O và anh Võ Vĩnh H phải chịu 4.877.000đ (Bốn triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Buộc chị Ngô Thị Bích T phải chịu 556.000đ (năm trăm năm mươi sáu nghìn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 3.538.000đ (Ba triệu năm trăm ba mươi tám nghìn đồng) theo lai thu số: 0003399 ngày 29/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Hoàn trả lại cho chị T số tiền 2.982.000đ (hai triệu chín trăm tám mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo lai thu số, ngày, tháng, năm nêu trên tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Chị T, anh S, chị O, anh H quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đặng Thị Ngọc Tú